

KẾT QUẢ ĐIỂM PHÚC KHẢO
KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Công văn số/SGDDT-QLCL ngày /6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng	Phòng thi	Điểm
1	610015	LÊ PHẠM LAN ANH	27/09/2014	610-THCS Phú Cường	1	7,70
2	610087	NGUYỄN THỊ DIỆU HUYỀN	28/11/2014	610-THCS Phú Cường	4	4,00
3	610089	NGUYỄN ĐÌNH GIA KHANG	06/12/2014	610-THCS Phú Cường	4	4,30
4	610135	PHẠM KIM NGÂN	05/02/2014	610-THCS Phú Cường	6	4,20
5	610147	NGUYỄN LÊ LAM NGỌC	02/12/2014	610-THCS Phú Cường	7	7,30
6	610175	NGUYỄN HOÀNG PHI	21/06/2013	610-THCS Phú Cường	8	6,40
7	610196	NGUYỄN KHIẾT THANH	13/12/2014	610-THCS Phú Cường	9	6,60
8	610217	TRẦN THỊ DUYÊN THUYỀN	09/07/2014	610-THCS Phú Cường	10	6,80
9	610222	LÊ NGỌC HUYỀN TRÂN	10/11/2014	610-THCS Phú Cường	10	4,20
10	610238	LÊ NGUYỄN HẢI UYÊN	18/05/2014	610-THCS Phú Cường	10	3,60
11	610244	PHAN XUÂN VINH	27/11/2014	610-THCS Phú Cường	11	6,20
12	611024	PHAN NGUYỄN QUỲNH ANH	02/12/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	1	7,30
13	611056	BÙI ANH ĐỨC	23/07/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	3	5,20
14	611104	NGÔ BẢO LAM	17/06/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	5	6,50
15	611109	BÙI KHÁNH LINH	31/10/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	5	7,30
16	611123	KIM ĐÌNH MINH	24/11/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	5	7,40
17	611124	TRẦN BÌNH MINH	17/09/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	5	5,70
18	611146	VƯƠNG BẢO NGỌC	28/05/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	6	5,50
19	611154	HÀ TRỌNG NHÂN	17/12/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	7	7,30
20	611166	NGUYỄN TIẾN PHÁT	19/10/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	7	7,30
21	611169	BÙI LÊ GIA PHÚ	28/01/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	7	6,60
22	611209	TRẦN PHƯƠNG THẢO	11/02/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	9	6,50
23	611222	ĐOÀN NHÃ THY	19/09/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	9	7,10
24	611232	NGUYỄN HỸ TRIẾT	26/11/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	10	7,10
25	611245	NGUYỄN MINH VY	03/10/2014	611-THCS Trịnh Hoài Đức	10	7,00
26	612004	TRẦN NGUYỄN THIÊN AN	26/05/2014	612-TH An Phú	1	6,80
27	612008	NGUYỄN BÁ MINH ANH	21/02/2014	612-TH An Phú	1	6,60
28	612032	ĐỖ TRẦN TUẤN ĐẠT	01/03/2014	612-TH An Phú	2	6,90
29	612042	NGUYỄN TẤN DŨNG	07/02/2014	612-TH An Phú	2	6,10
30	612154	TRẦN BẢO TRÂN	02/05/2014	612-TH An Phú	7	7,10
31	612159	VÕ ANH VŨ	25/01/2014	612-TH An Phú	7	6,70
32	613025	HOÀNG LÊ THANH BÌNH	10/04/2014	613-THCS Bình Chuẩn	2	5,70
33	613043	NGUYỄN ĐỨC DUY	04/04/2014	613-THCS Bình Chuẩn	2	6,50
34	613063	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHANG	29/06/2014	613-THCS Bình Chuẩn	3	7,00
35	613149	NGUYỄN TÔN NHÃ UYÊN	31/01/2014	613-THCS Bình Chuẩn	7	7,00
36	614008	DƯƠNG MAI BẢO ANH	20/09/2014	614-THCS Phú Long	1	6,50
37	614017	VÕ NGỌC TRÂM ANH	31/03/2014	614-THCS Phú Long	1	6,50

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Hội đồng	Phòng thi	Điểm
38	614094	MẠCH MINH KHOA	19/08/2014	614-THCS Phú Long	4	6,20
39	614095	NGUYỄN ANH KHOA	11/02/2014	614-THCS Phú Long	4	6,40
40	614106	PHẠM TRÍ LÂM	06/04/2014	614-THCS Phú Long	5	6,00
41	614120	TRẦN NGỌC QUỲNH MAI	03/03/2014	614-THCS Phú Long	5	6,30
42	614167	LÊ HOÀNG PHÁT	31/08/2014	614-THCS Phú Long	7	5,80
43	614182	NGUYỄN THỊ THẢO QUYÊN	20/04/2014	614-THCS Phú Long	8	5,60
44	614227	THIÊU GIA VINH	09/09/2014	614-THCS Phú Long	10	7,40
45	615059	LÊ VĂN TÙNG LÂM	11/02/2014	615-THCS Nguyễn Thái Bình	3	6,20
46	615104	HOÀNG ÁI VY	18/03/2014	615-THCS Nguyễn Thái Bình	5	6,10
47	616029	TRƯƠNG LÊ BẢO HÂN	03/10/2014	616-TH Lái Thiêu	2	5,20
48	616034	CHU ĐĂNG HUY	04/07/2014	616-TH Lái Thiêu	2	4,90
49	616058	HỒ PHÚ NGUYỄN	18/01/2014	616-TH Lái Thiêu	3	4,60
50	617001	TRẦN PHẠM BẢO AN	01/10/2014	617-THCS Võ Trường Toản	1	6,70
51	617114	PHẠM LINH CHI	16/10/2014	617-THCS Võ Trường Toản	5	4,80
52	617145	PHAN LÊ MINH ĐỨC	16/02/2014	617-THCS Võ Trường Toản	7	6,10
53	617164	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH HÀ	19/03/2014	617-THCS Võ Trường Toản	7	5,80
54	617177	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	06/10/2014	617-THCS Võ Trường Toản	8	5,30
55	617190	TRẦN GIA Hào	28/01/2014	617-THCS Võ Trường Toản	8	6,40
56	617206	MAI VĂN HOÀNG	11/04/2014	617-THCS Võ Trường Toản	9	6,70
57	617265	LÊ ANH KIẾT	17/08/2014	617-THCS Võ Trường Toản	12	6,80
58	617342	TRẦN THẢO MY	04/11/2014	617-THCS Võ Trường Toản	15	6,60
59	617418	LÊ PHẠM TUỆ NHI	29/03/2014	617-THCS Võ Trường Toản	18	5,50
60	617445	PHAN THÀNH PHÁT	23/02/2014	617-THCS Võ Trường Toản	19	6,30
61	617505	ĐỖ TẤN TÀI	25/08/2014	617-THCS Võ Trường Toản	22	4,30
62	617578	HUỲNH VĨNH TIẾN	30/10/2014	617-THCS Võ Trường Toản	25	7,00
63	618064	ĐỖ TRUNG HIẾU	12/02/2014	618-THCS Nguyễn Quốc Phú	3	5,40
64	618108	TÔN NỮ KHÁNH LINH	14/09/2014	618-THCS Nguyễn Quốc Phú	5	5,50
65	619030	NGUYỄN HUY ANH ĐỨC	13/01/2014	619-THCS Khánh Bình	2	3,50
66	619070	NGUYỄN THIÊN MINH	29/10/2014	619-THCS Khánh Bình	3	3,30
67	619086	PHẠM BẢO NGỌC	01/05/2014	619-THCS Khánh Bình	4	4,20
68	619143	PHẠM QUỐC VƯƠNG	28/03/2014	619-THCS Khánh Bình	6	3,80
69	621048	NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	16/02/2014	621-THCS Lý Tự Trọng	2	4,40
70	623010	ĐẬU THÙY ANH	31/07/2014	623-THCS Thới Hòa	1	6,20
71	623024	NGUYỄN BÙI QUỐC ĐẠT	16/03/2014	623-THCS Thới Hòa	1	5,40
72	623046	TRẦN ĐÌNH NHẬT HUY	13/08/2014	623-THCS Thới Hòa	2	5,40
73	623048	LÊ DƯƠNG HUY KHẢI	04/09/2014	623-THCS Thới Hòa	2	5,90
74	623089	BÙI NGUYỄN TÂM NHƯ	30/09/2014	623-THCS Thới Hòa	4	7,20
75	623094	ĐOÀN MINH PHÚC	28/01/2014	623-THCS Thới Hòa	4	5,70
76	624028	TRƯƠNG AN NHIÊN	03/12/2014	624-THCS Chánh Phú Hòa	2	3,40
77	626007	NGUYỄN HOÀNG QUỐC ANH	17/02/2014	626-THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	5,90
78	626046	NGUYỄN THIÊN KIM	07/03/2014	626-THCS Nguyễn Bình Khiêm	2	5,90
79	626138	TRẦN HÀN VỸ	05/05/2014	626-THCS Nguyễn Bình Khiêm	6	5,40

Danh sách có 79 thí sinh./.